

PHỤ LỤC
MẪU HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN THÔN, BẢN ĐẠT CHUẨN NTM
(Kèm theo Hướng dẫn số...../HD-SNN ngày / /2024 của Sở Nông nghiệp
và PTNT tỉnh Lai châu)

Mẫu số 01

UBND XÃ.....
THÔN (BẢN).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 202...

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm tra, xét, công nhận thôn (bản).....;
xãđạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....

Kính gửi: UBND xã

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Bộ tiêu chí về thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Hướng dẫn số...../HD-SNN ngày..... tháng....năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố “Thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND xã);

Căn cứ Biên bản họp ngày/...../20.... của thôn (bản).....V/v đề nghị xét, công nhận thôn (bản).....; xã.....huyện.....đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....

Thôn (bản)đề nghị UBND xãthẩm tra kết quả xây dựng NTM trên địa bàn thôn (bản) để làm căn cứ thực hiện hồ sơ đề nghị UBND huyện..... xét, công nhận thôn (bản)..... đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....

Hồ sơ kèm Tờ trình, gồm có:

- 1) Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thôn (bản).....;
- 2) Biên bản cuộc họp của thôn (bản).....đề nghị xét, công nhận thôn (bản).....đạt chuẩn nông thôn mới năm 20.....;

3) Các văn bản chứng minh đánh giá đạt các tiêu chí theo Bộ tiêu chí về thôn, bản nông thôn mới.

Kính đề nghị UBND xãxem xét, thẩm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thôn (bản).

TM. THÔN (BẢN).....

TRƯỞNG BẢN

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

UBND XÃ.....
THÔN (BẢN).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 202...

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng nông thôn mới năm 202..... của thôn (bản).....

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thôn
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện, xã.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới

1. Về công tác tổ chức, triển khai
2. Về công tác thông tin, tuyên truyền và tham gia tập huấn
3. Về Phát triển kinh tế - xã hội
 - a) Phát triển sản xuất nông nghiệp.
 - b) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn.

c) Xây dựng cơ sở hạ tầng.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Tổng kinh phí đã thực hiện:triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp trên hỗ trợ:..... triệu đồng, chiếm..... %;

- Nhân dân đóng góptriệu đồng, chiếm %.

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí thôn (bản) tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là / (tổng số) tiêu chí, đạt%, cụ thể:

1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có); triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí(trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí sốvề.....

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí(trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

3. Tiêu chí số..... về

(tương tự như trên)

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

VI. Kế hoạch duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

3. Nội dung duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

VII. Kiến nghị, đề xuất

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 202...của thôn (bản)...../.

Nơi nhận:

- UBND xã;
- Lưu: Thôn (bản).

TM. THÔN (BẢN).....

TRƯỞNG BẢN

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI
Thôn (bản), xã, huyện.....

(Kèm theo Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới năm 202....của thôn (bản).....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của thôn, bản
1	Tổ chức quản lý, điều hành Chương trình mục tiêu quốc gia	Có tổ phát triển thôn bản hoạt động hiệu quả trong tổ chức, hướng dẫn cộng đồng dân cư tham gia tích cực vào các hoạt động xây dựng nông thôn mới	Đạt		
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường nội bản được cứng hóa, đảm bảo ô tô hoặc xe máy đi lại thuận tiện quanh năm	$\geq 85\%$ cứng hóa		
		2.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% ($\geq 85\%$ cứng hóa)		
		2.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% ($\geq 50\%$ cứng hóa)		
3	Thuỷ lợi và vùng sản xuất	3.1. Tỷ lệ diện tích đất ruộng được tưới tiêu nước chủ động	$\geq 87\%$		
		3.2. Đối với những nơi không có ruộng thì vùng sản xuất tuân thủ quy trình sản xuất theo hướng dẫn cơ quan chuyên môn	Đạt		
4	Tổ chức sản xuất	Có điển hình trong liên kết sản xuất, dịch vụ gắn với tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ đảm bảo bền vững	Đạt		
5	Điện	5.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của thôn, bản	
		5.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 97\%$			
6	Văn hóa và Cơ sở vật chất văn hoá; thông tin và truyền thông	6.1. Thôn, bản đạt chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt			
		6.2. Tỷ lệ gia đình trong thôn, bản đạt danh hiệu gia đình văn hóa	$\geq 87\%$			
		6.3. Thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	Đạt			
		6.4. Tỷ lệ hộ dân được xem và nghe đài phát thanh truyền hình	$\geq 80\%$			
7	Nhà ở dân cư	7.1. Nhà tạm, dột nát	Không			
		7.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 80\%$			
8	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021	≥ 36		
			Năm 2022	≥ 39		
			Năm 2023	≥ 42		
			Năm 2024	≥ 45		
			Năm 2025	≥ 48		
9	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	$< 13\%$			
10	Lao động	10.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 70\%$			
		10.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 20\%$			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của thôn, bản
11	Trường học và Giáo dục	11.1. Điểm trường thôn, bản (nếu có) đảm bảo xanh, sạch đủ phòng học xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố; có đủ trang thiết bị dạy và học của từng nhóm hoặc lớp học theo cấp học.	Đạt		
		11.2. Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non	$\geq 80\%$		
		11.3. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học	Đạt		
		11.4. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	$\geq 98\%$		
		11.5. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở	$\geq 80\%$		
		11.6. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi từ 15-35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2	$\geq 90\%$		
		11.7. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 70\%$		
12	Y tế	12.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$		
		12.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 24\%$		
		12.3. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 50\%$		
13	Môi trường và an toàn thực phẩm	13.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hoặc nước hợp vệ sinh theo quy chuẩn	- Nước sạch: $\geq 20\%$ ($\geq 10\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung) - Nước hợp vệ sinh: 100%		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của thôn, bản
		13.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất-kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$		
		13.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt		
		13.4. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt		
		13.5. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$		
		13.6. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%		
		13.7. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ⁽¹⁾	$\geq 70\%$		
		13.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 60\%$		
		13.9. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%		
		13.10. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, phân loại và xử lý theo quy định	$\geq 30\%$		

⁽¹⁾. Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của thôn, bản
14	An ninh trật tự xã hội	14.1. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em, phụ nữ, bạo lực gia đình; các tệ nạn xã hội không có hoặc giảm so với năm trước.	Đạt		
		14.2. Không vi phạm các quy định về lâm nghiệp, đất đai, tài nguyên, khoáng sản	Đạt		
15	Quốc phòng	Công dân trong độ tuổi đăng ký thực hiện tốt Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Dân quân tự vệ theo quy định	100%		

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP THÔN (BẢN)

V/v đề nghị xét, công nhận thôn (bản).....; xã.....huyện.....
đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....

Hôm nay, ngày.....tháng nămtại thôn (bản).....xã.....Ban phát triển thôn (bản) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận thôn (bản).....đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....

- Chủ trì Hội nghị: *(Trưởng Ban phát triển thôn (bản) ghi rõ họ, tên, chức danh):*.....

- Thư ký Hội nghị: *(ghi rõ họ, tên)*

- Thành phần tham gia:

1. Thành phần tham gia ý kiến: *(Đại diện các hộ gia đình trong thôn, bản).*

2. Tổng số hộ gia đình trong thôn (bản):hộ

3. Tổng số hộ có đại diện tham dự Hội nghị:.....hộ, chiếm.....% số hộ trong thôn, bản.

- Nội dung Hội nghị:

1. Ông (bà) *(Trưởng Ban phát triển thôn, bản)* thông qua Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới của thôn (bản).....năm

2. Ý kiến tham gia vào Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới của đại diện các hộ gia đình trong thôn (bản).

+

+

+

3. Ban phát triển thôn (bản) thực hiện các thủ tục lấy ý kiến thống nhất của đại diện các hộ gia đình trong thôn (bản) về việc đề nghị xét, công nhận thôn (bản)..... đạt chuẩn nông thôn mới năm 202..... *(bằng hình thức lấy phiếu, ghi rõ thành phần và hoạt động của tổ kiểm phiếu).*

Kết quả lấy ý kiến:

+ Ý kiến thống nhất:người *(phiếu)*, chiếm%.

+ Ý kiến không thống nhất:người (*phiếu*), chiếm%.

4. Các ý kiến tham gia khác của đại diện các hộ dân: (*mời các đại biểu có ý kiến không thống nhất nêu lý do không thống nhất*).

5. Thư ký hoàn thiện và thông qua Biên bản tại Hội nghị.

Hội nghị kết thúc hồigiờphút cùng ngày. Các đại biểu tham dự đã thống nhất nội dung biên bản và lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu tại thôn (bản) và 01 bản gửi kèm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn (bản) ... đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....

Thư ký
(*Ký, ghi rõ họ tên*)

Chủ trì
(*ký, ghi rõ họ tên*)

Mẫu số 04

UBND XÃ.....
THÔN (BẢN).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 202...

BÁO CÁO

Tình hình nợ đọng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thôn (bản)....., xã.....năm 20.....

1. Quá trình tổ chức triển khai thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản của thôn (bản).....

.....
.....
.....

2. Kết quả thực hiện

.....
.....
.....

3. Tình hình nợ đọng cơ bản trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của thôn (bản).....

.....
.....
.....

4. Đề xuất, kiến nghị (nếu có):.....

Nơi nhận:
- UBND xã;
- Lưu: Thôn (bản).

TM. THÔN (BẢN).....
TRƯỞNG BẢN
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTr-UBND

....., ngày.....tháng.....năm 202.....

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm định, xét, công nhận thôn (bản)
đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....**

Kính gửi: UBND huyện.....

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Bộ tiêu chí về thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Hướng dẫn số...../HD-SNN ngày..... tháng....năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố “Thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND xã);

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../202.... của UBND xãđề nghị xét, công nhận thôn, bản..... đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....;

UBND xãkính trình UBND huyện..... thẩm định, xét, công nhận thôn (bản)..... đạt chuẩn nông thôn mới năm 202....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1) Biên bản cuộc họp của UBND xã.....đề nghị xét, công nhận thôn (bản)..... đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....;

2) Báo cáo của UBND xã.....về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 20.... của thôn (bản).....;

3) Báo cáo của UBND xã.....tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn thôn, bản đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 202...đối với thôn (bản).....;

4) Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc xã về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn (bản).....đối với việc công nhận thôn, bản.....đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....;

(Kèm theo Hồ sơ của thôn (bản).....nộp để thẩm tra)

Kính đề nghị UBND huyện xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPĐP NTM cấp huyện;
-;
- Lưu: VT.

TM. UBND XÃ.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 202.....

BIÊN BẢN

**Họp đề nghị xét, công nhận thôn (bản)
đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....**

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Bộ tiêu chí về thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Hướng dẫn số...../HD-SNN ngày..... tháng....năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố “Thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND xã);

Căn cứ Báo cáo số...../BC-UBND ngày...../...../202..của UBND xã.....về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 202...đối với thôn (bản).....;

Căn cứ Báo cáo số...../BC-UBND ngày...../...../202...của UBND xã.....về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....đối với thôn (bản).....;

Hôm nay, vào hồi ...giờphút ngày/...../.....tại....., UBND xã,huyện,tỉnh) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận thôn (bản)..... đạt chuẩn nông thôn mới năm 202....., cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà):- Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà):- Chức vụ, đơn vị công tác;
-
- Ông (bà):- Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1) UBND xã trình bày Báo cáo: Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....đối với thôn (bản).....; Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 202...đối với thôn (bản).....

2) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã trình bày Báo cáo kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn, bản.....đối với việc công nhận thôn (bản).....đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....;

3) Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận thôn (bản).....đạt chuẩn nông thôn mới năm 202....., cụ thể như sau:

-

-

4) Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị công nhận thôn (bản)..... đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....là..... /tổng sốthành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hộigiờ.....phút ngày/...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thànhbản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu.....bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND huyệnbản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC-UBND

....., ngày..... tháng năm 202...

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....đối với thôn (bản)....., xã.....huyện.....

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Bộ tiêu chí về thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Hướng dẫn số...../HD-SNN ngày..... tháng....năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố “Thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND xã);

Căn cứ đề nghị của thôn (bản).....tại Tờ trình số.....TTr-BPT ngày...../...../..... Về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thôn (bản).....đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng thôn, bản nông thôn mới trên địa bàn thôn (bản)....., UBND xã..... báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn thôn bản nông thôn mới năm 202.....đối với thôn (bản)....., cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày/...../.....đến ngày/...../.....).

1. Về hồ sơ
2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng thôn, bản nông thôn mới
3. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới

3.1. Tiêu chí sốvề

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng thực hiện:.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có):triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

3.2. Tiêu chí sốvề

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng thực hiện:.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có):triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

(Trương tự như trên)

4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng thôn, bản nông thôn mới

-

5. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới

-

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của thôn, bảnđã được UBND xã..... thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là:/15 tiêu chí, đạt%.

-

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng thôn, bản nông thôn mới

-

-

III. KIẾN NGHỊ

-

-

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- VPĐP NTM cấp huyện;
-
- Lưu: VP.

TM. UBND XÃ.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ THÔN, BẢN NÔNG THÔN MỚI
Thôn (bản), xã....., huyện.....

(Kèm theo Báo cáo số:...../BC-UBND, ngày...../...../.....của UBND xã.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn, bản	Kết quả thẩm tra của UBND xã
1	Tổ chức quản lý, điều hành Chương trình mục tiêu quốc gia	Có tổ phát triển thôn bản hoạt động hiệu quả trong tổ chức, hướng dẫn cộng đồng dân cư tham gia tích cực vào các hoạt động xây dựng nông thôn mới	Đạt		
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường nội bản được cứng hóa, đảm bảo ô tô hoặc xe máy đi lại thuận tiện quanh năm	≥ 85% cứng hóa		
		2.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (≥ 85% cứng hóa)		
		2.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% (≥ 50% cứng hóa)		
3	Thuỷ lợi và vùng sản xuất	3.1. Tỷ lệ diện tích đất ruộng được tưới tiêu nước chủ động	≥ 87%		
		3.2. Đối với những nơi không có ruộng thì vùng sản xuất tuân thủ quy trình sản xuất theo hướng dẫn cơ quan chuyên môn	Đạt		
4	Tổ chức sản xuất	Có điển hình trong liên kết sản xuất, dịch vụ gắn với tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ đảm bảo bền vững	Đạt		
5	Điện	5.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn, bản	Kết quả thẩm tra của UBND xã	
		5.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 97\%$			
6	Văn hóa và Cơ sở vật chất văn hoá; thông tin và truyền thông	6.1. Thôn, bản đạt chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt			
		6.2. Tỷ lệ gia đình trong thôn, bản đạt danh hiệu gia đình văn hóa	$\geq 87\%$			
		6.3. Thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	Đạt			
		6.4. Tỷ lệ hộ dân được xem và nghe đài phát thanh truyền hình	$\geq 80\%$			
7	Nhà ở dân cư	7.1. Nhà tạm, dột nát	Không			
		7.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 80\%$			
8	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021	≥ 36		
			Năm 2022	≥ 39		
			Năm 2023	≥ 42		
			Năm 2024	≥ 45		
			Năm 2025	≥ 48		
9	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	$< 13\%$			
10	Lao động	10.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 70\%$			
		10.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 20\%$			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn, bản	Kết quả thẩm tra của UBND xã
11	Trường học và Giáo dục	11.1. Điểm trường thôn, bản (nếu có) đảm bảo xanh, sạch đủ phòng học xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố; có đủ trang thiết bị dạy và học của từng nhóm hoặc lớp học theo cấp học.	Đạt		
		11.2. Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non	$\geq 80\%$		
		11.3. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học	Đạt		
		11.4. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	$\geq 98\%$		
		11.5. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở	$\geq 80\%$		
		11.6. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi từ 15-35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2	$\geq 90\%$		
		11.7. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 70\%$		
12	Y tế	12.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$		
		12.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 24\%$		
		12.3. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 50\%$		
13	Môi trường và an toàn thực phẩm	13.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hoặc nước hợp vệ sinh theo quy chuẩn	- Nước sạch: $\geq 20\%$ ($\geq 10\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung) - Nước hợp vệ sinh: 100%		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn, bản	Kết quả thẩm tra của UBND xã
		13.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất-kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$		
		13.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt		
		13.4. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt		
		13.5. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$		
		13.6. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%		
		13.7. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ⁽²⁾	$\geq 70\%$		
		13.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 60\%$		
		13.9. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%		
		13.10. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, phân loại và xử lý theo quy định	$\geq 30\%$		

⁽²⁾. Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn, bản	Kết quả thẩm tra của UBND xã
14	An ninh trật tự xã hội	14.1. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em, phụ nữ, bạo lực gia đình; các tệ nạn xã hội không có hoặc giảm so với năm trước.	Đạt		
		14.2. Không vi phạm các quy định về lâm nghiệp, đất đai, tài nguyên, khoáng sản	Đạt		
15	Quốc phòng	Công dân trong độ tuổi đăng ký thực hiện tốt Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Dân quân tự vệ theo quy định	100%		

Mẫu số 08

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../BC-UBND

....., ngày..... tháng năm 202...

BÁO CÁO

**Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt
chuẩn nông thôn mới năm 202.....đối với thôn (bản).....,
xã.....huyện.....**

I. Tóm tắt quá trình UBND xã tổ chức lấy ý kiến tham gia

-
-

**II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức
độ đạt chuẩn thôn, bản nông thôn mới năm 202.....đối với thôn (bản).....**

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội
của xã

- Hình thức tham gia ý kiến: Bằng văn bản.
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):.....

2. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn xã (tên đơn
vị, tổ chức:.....)

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):.....

3. Ý kiến dtham gia của nhân dân trên địa bàn xã

- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):.....

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã

-
-

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- VPĐP NTM cấp huyện;
-
- Lưu: VP.

TM. UBND XÃ.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 09

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ
QUỐC VIỆT NAM XÃ.....
BAN THƯỜNG TRỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC-MTTQ , ngày..... tháng năm 202...

BÁO CÁO

**Kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đề nghị công nhận thôn
(bản)....., xã..... đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....**

I. Công tác triển khai

1. Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện

-

-

2. Nội dung hình thức tổ chức lấy ý kiến

-

-

II. Kết quả thực hiện

1. Tổng số hộ gia đình lấy ý kiến/tổng số hộ trên địa bàn tghoon, bản.

2. Thời gian lấy ý kiến: Từ ngày.....đến ngày...../...../.....

3. Tổng hợp kết quả phiếu phát ra, phiếu thu về

- Tổng số phiếu phát ra:.....phiếu

- Tổng số phiếu thu về:.....phiếu

4. Tổng hợp kết quả lấy ý kiến (số lượng, tỷ lệ) theo từng câu hỏi: Theo phụ lục kèm theo.

5. Nội dung lý do chưa hài long theo từng câu hỏi.

III. Đánh giá chung

1. Ưu điểm:

2. Hạn chế:

IV. Kiến nghị, đề xuất: (theo lĩnh vực cụ thể đối với nội dung người dân chưa hài lòng)

Nơi nhận:

- UBND cấp huyện;
- UBMTTQVN cấp huyện;
- VPĐP NTM cấp huyện;
- UBND cấp xã;
-
- Lưu: VT.

**TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ.....

BIỂU TỔNG HỢP

Kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đề nghị thôn (bản).....đạt chuẩn nông thôn mới năm 202.....

- Tổng số hộ trên địa bàn thôn, bản:.....hộ;
- Tổng số hộ được lấy ý kiến:.....hộ (đạt tỷ lệ.....%);
- Tổng số ý kiến hài lòng:.....hộ (đạt tỷ lệ.....%);
- Tổng số ý kiến không hài lòng:.....hộ (đạt tỷ lệ.....%);
- Ý kiến khác (nếu có):

STT câu hỏi	Nội dung	Tổng số phiếu phát ra	Tổng số phiếu thu về	Hài lòng		Không hài lòng		Lý do không hài lòng	Kiến nghị, đề xuất
				Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)		
1									
2									

Người tổng hợp
(Ký ghi rõ họ, tên)

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

PHIẾU LẤY Ý KIẾN

Sự hài lòng của người dân về đề nghị thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới
Tại thôn (bản)..... xã.....

Để có cơ sở đánh giá khách quan về kết quả xây dựng nông thôn mới của thôn (bản)....., đề nghị Ông/bà cho ý kiến qua bảng câu hỏi dưới đây (đánh dấu X vào các cột tương ứng và cho biết lý do nếu chưa hài lòng). Xin trân trọng cảm ơn!

Họ và tên:..... Tuổi:.....; SĐT:.....; Địa chỉ:.....

STT	NỘI DUNG	Hài lòng	Chưa hài lòng	Lý do chưa hài lòng
1	Đường giao thông thôn, bản được cứng hóa, sạch sẽ, thuận tiện trong việc đi lại; đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển được hàng hóa			
2	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp nông nghiệp được tuổi tiêu nước chủ động đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp			
3	Có điển hình trong liên kết sản xuất, dịch vụ gắn với tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ đảm bảo bền vững			
4	Hệ thống đường điện đảm bảo an toàn đến các hộ gia đình; việc cung cấp và sử dụng điện theo đúng quy định hiện hành (giá bán điện, lắp đặt đồng hồ, cung cấp điện thường xuyên...)			
5	Thôn, bản đạt chuẩn văn hóa theo quy định			
6	Thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa và có sự			

	tham gia tích cực của người dân			
7	Người dân được xem và nghe đài phát thanh truyền hình; được tiếp cận các dịch vụ viễn thông, Internet			
8	Thôn, bản không còn nhà tạm, nhân dột nát			
9	Thu nhập của gia đình đảm bảo ổn định cuộc sống			
10	Người dân trên địa bàn thôn, bản trong độ tuổi lao động có việc làm ổn định			
11	Trẻ em trong độ tuổi mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được đi học đầy đủ			
12	Tỷ lệ người dân trong thôn, bản tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% trở lên			
13	Cảnh quan môi trường xanh-sạch-đẹp; không tồn đọng nước thải; chất thải rắn được phân loại thu gom theo quy định; các hộ dân được sử dụng nước sạch hoặc nước hợp vệ sinh theo quy chuẩn; không có hộ gia đình vi phạm quy định về an toàn thực phẩm; các hộ gia đình thực hiện tốt việc mai tang, hỏa tang theo quy định			
14	Trên địa bàn thôn, bản không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em, phụ nữ, bạo lực gia đình; các tệ nạn xã hội không có hoặc giảm so với năm trước.			
15	Trên địa bàn thôn, bản không có vi phạm các quy định về lâm			

	nghiệp, đất đai, tài nguyên, khoáng sản			
16	Công dân trong độ tuổi đăng ký thực hiện tốt Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Dân quân tự vệ theo quy định			
17	Ông/bà có hài lòng về kết quả xây dựng thôn, bản nông thôn mới?			

Ngoài những nội dung trên, Ông/bà còn có ý kiến gì về kết quả xây dựng thôn, bản nông thôn mới:.....

.....

.....

.....ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI PHÁT PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TRẢ LỜI
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 10

MẪU GIẤY CÔNG NHẬN THÔN (BẢN) ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

(Quốc huy)	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THÀNH PHỐ.....	
CÔNG NHẬN	
BẢNXÃ....., HUYỆN/THÀNH PHỐ	
<i>Đạt chuẩn nông thôn mới năm.....</i>	
<i>Quyết định số:...../QĐ-UBND</i> <i>Ngày...../.../...</i>	<i>....., ngày... tháng... năm...</i> CHỦ TỊCH

Yêu cầu đối với Mẫu số 12:

1. Hình thức:

a) Chính giữa phía trên là Quốc huy nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

b) Đường diềm, bên ngoài đường diềm được trang trí bằng các họa tiết hoa văn.

2. Nội dung viết trong bằng công nhận:

a) Dòng thứ nhất: Quốc hiệu: “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” được trình bày bằng chữ in hoa, phong chữ “Times New Roman”, cỡ chữ 15, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

b) Dòng thứ hai: Tiêu ngữ: “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” được trình bày bằng chữ in thường, phong chữ “Times New Roman”, cỡ chữ 16, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen và ở liền phía dưới Quốc hiệu; chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối, có cách chữ; phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng độ dài của dòng chữ.

c) Dòng thứ ba, thứ tư: Ghi tách làm hai dòng “CHỦ TỊCH” và “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THÀNH PHỐ.....” (ghi tên huyện) được trình bày bằng chữ in hoa, phong chữ “Times New Roman”, cỡ chữ 26 cho dòng trên và cỡ chữ 20 cho dòng dưới, kiểu chữ đứng, đậm, màu đỏ.

d) Dòng thứ năm: “CÔNG NHẬN” được trình bày bằng chữ in hoa, phong chữ “Times New Roman”, cỡ chữ 24, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

đ) Dòng thứ sáu: Ghi tên BẢN, XÃ, HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ được trình bày bằng chữ in hoa, phong chữ “Times New Roman”, cỡ chữ căn chỉnh cho phù hợp, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

e) Dòng thứ bảy: “Đạt chuẩn nông thôn mới năm” được trình bày bằng chữ in thường, phong chữ “Times New Roman”, cỡ chữ căn chỉnh cho phù hợp, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

g) Phía dưới bên phải in hai dòng chữ:

- “....., ngày..... tháng..... năm.....” được trình bày bằng chữ in thường, phong chữ “Times New Roman”, cỡ chữ 15, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

- “CHỦ TỊCH” được trình bày bằng chữ in hoa, phong chữ “Times New Roman”, cỡ chữ 14, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

h) Phía dưới bên trái in hai dòng chữ:

- “Quyết định số...../QĐ-UBND”.

- “Ngày.....tháng.....năm.....”.

Ghi theo số, ngày, tháng, năm ban hành quyết định; chữ của hai dòng được trình bày bằng chữ in thường, phong chữ “Times New Roman”, cỡ chữ 14, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

3. Chất liệu, kích cỡ, hình nền:

a) Bằng được in trên giấy trắng định lượng 150-250 gram/m².

b) Kích thước dài 420mm, rộng 297mm, đường trang trí hoa văn dài 360mm, rộng 237mm.

c) Hình nền:

Giấy công nhận thôn, bản: sử dụng họa tiết vân mây, chính giữa là hình cánh sen cách điệu, viền xanh, khung đỏ./.
